

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY MẸ
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	15 - 56
8. Phụ lục I – Thông tin tài chính sử dụng khi tính toán, xác định các chỉ tiêu về năng lực tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016	57 - 63

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Khái quát về Tổng công ty

Tổng công ty Sông Đà là Tổng công ty Nhà nước được thành lập theo Quyết định 996/BXD-TCLĐ ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng với tên gọi Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại các đơn vị của Tổng công ty Xây dựng Sông Đà trực thuộc Bộ Xây dựng; Quyết định số 225/QĐ-BXD ngày 11 tháng 3 năm 2002 của Bộ Xây dựng đổi tên thành Tổng công ty Sông Đà.

Tổng công ty Sông Đà được chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 2435/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Xây dựng.

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu, giúp việc; các Ban quản lý, điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc và đơn vị sự nghiệp của Tổng công ty Sông Đà. Công ty Mẹ - Tập đoàn Sông Đà có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ pháp lý và lợi ích hợp pháp của Tổng công ty Sông Đà.

Ngày 24 tháng 10 năm 2012 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 937/QĐ-BXD thành lập Tổng công ty Sông Đà trên cơ sở tổ chức lại Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà và các đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà trước đây. Tổng công ty Sông Đà hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con hình thành trên cơ sở tổ chức lại bộ máy quản lý, điều hành, tham mưu giúp việc; các Văn phòng đại diện, Ban quản lý dự án, Ban điều hành dự án; các đơn vị phụ thuộc khác và đơn vị sự nghiệp của Công ty mẹ - Tập đoàn Sông Đà (thành lập theo Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ).

Tổng công ty Sông Đà được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên lần đầu ngày 13 tháng 4 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 07 tháng 5 năm 2014.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
- Điện thoại : (04) 3 854 1164
- Fax : (04) 3 854 1161
- Email : banbientap@songda.vn
- Website : <http://www.songda.vn>
- Mã số thuế : 0 1 0 0 1 0 5 8 7 0

Nghành nghề kinh doanh của Tổng công ty (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100105870 ngày 07 tháng 5 năm 2014):

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi tổ hợp các công trình ngầm; Thi công và xử lý nền móng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp;
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, cho thuê văn phòng;
- Đóng tàu và cầu kiện nổi (trừ thiết kế phương tiện vận tải);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Sửa chữa tàu, thuyền;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn thiết kế và tổng thầu tư vấn thiết kế các dự án đầu tư, xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Chi tiết: Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ;
- Giáo dục nghề nghiệp. Chi tiết: Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Xuất khẩu lao động (doanh nghiệp chỉ hoạt động sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép);
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch;
- Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Phá dỡ. Chi tiết: Dịch vụ nổ mìn (đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban điều hành, quản lý của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng thành viên

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Dương Khánh Toàn	Chủ tịch	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Nguyễn Doãn Hành	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Lê Văn Tồn	Thành viên	Ngày 26 tháng 10 năm 2012
Ông Hồ Văn Dũng	Thành viên	Ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Nguyễn Kim Tới	Thành viên	Ngày 10 tháng 11 năm 2014

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Hồ Văn Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014
Ông Kim Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Trần Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 02 tháng 01 năm 2013
Ông Nguyễn Văn Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 11 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 12 năm 2014
Ông Trần Văn Thạnh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 5 năm 2015

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Việt	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18 tháng 9 năm 2015

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Hồ Văn Dũng (bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2014).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Tổng công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tổng công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Trần Văn Tuấn

H
A
G
E
M
I
V
&
H
A
A



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 332/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017, từ trang 08 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

LƯU Ý: BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng công ty Sông Đà tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Thị Tư – Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2013-008-1

Lê Trọng Toàn - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2963-2015-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2017

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.374.736.983.212	7.349.675.589.284
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	442.051.275.642	578.245.033.271
1. Tiền	111		442.051.275.642	515.747.089.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	62.497.943.347
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.583.434.364	6.332.978.101
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	26.583.434.364	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	6.332.978.101
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		6.809.669.604.614	6.644.604.444.837
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.607.747.442.236	2.436.310.004.649
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	174.380.664.416	423.040.038.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	3.477.421.588.191	2.937.969.798.350
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	601.258.377.890	879.353.654.888
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(51.138.468.119)	(32.069.051.918)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.865.340.510	40.704.297.498
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.865.340.510	40.704.297.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.567.328.082	79.788.835.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	50.818.835.391	51.587.322.936
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.512.856.371	28.190.495.276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.235.636.320	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.657.920.369.295	8.946.914.261.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.107.683.887.789	2.975.312.920.148
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	600.316.186.594	743.631.117.524
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	1.507.367.701.195	2.231.681.802.624
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		987.266.445.143	1.012.658.922.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	987.034.817.252	1.012.276.748.466
<i>Nguyên giá</i>	222		1.150.200.285.571	1.150.228.240.526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(163.165.468.319)	(137.951.492.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	231.627.891	382.174.119
<i>Nguyên giá</i>	228		1.524.684.123	1.524.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.293.056.232)	(1.142.510.004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	48.849.426.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	4.450.813.423.919	4.847.595.883.977
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.371.626.856.388	2.741.069.169.252
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.717.144.865.100	1.927.186.865.100
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		427.577.600.000	283.697.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(65.535.897.569)	(104.357.750.375)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		63.307.185.689	62.497.108.501
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	63.307.185.689	62.497.108.501
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.032.657.352.507	16.296.589.851.250

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		12.360.790.816.599	13.650.862.009.982
I. Nợ ngắn hạn	310		6.715.618.774.947	7.145.598.061.096
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.207.348.099.657	3.324.920.677.553
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	132.044.621.648	468.799.261.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	763.225.475	2.658.827.591
4. Phải trả người lao động	314		10.515.409.056	16.043.685.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	416.312.157.764	535.520.516.325
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	4.703.336.381	2.693.422.496
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	462.615.219.088	191.515.343.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	2.449.555.156.516	2.583.241.633.319
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	31.761.549.362	20.204.692.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		5.645.172.041.652	6.505.263.948.886
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	935.025.681.400	986.154.282.859
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	152.960.823.100	153.283.858.819
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	76.057.573.297	81.409.407.562
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	4.481.127.963.855	5.284.416.399.646
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.671.866.535.908	2.645.727.841.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.671.866.535.908	2.645.727.841.268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.869.212.964.970	1.917.731.535.152
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		535.333.777.277	493.836.476.327
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		112.245.563.186	76.161.868.993
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.323.628.531	152.247.358.852
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.606.808.022	152.247.358.852
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		112.716.820.509	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.750.601.944	5.750.601.944
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.032.657.352.507	16.296.589.851.250

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trinh



Trần Văn Tuấn

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017
KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.949.692.508.029	7.212.584.136.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	37.962.725.538
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.949.692.508.029	7.174.621.411.115
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.832.189.064.807	6.899.012.382.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.503.443.222	275.609.028.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	534.143.276.182	560.509.744.480
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	416.384.944.051	569.541.734.714
Trong đó: chi phí lãi vay	23		422.715.795.615	489.810.321.112
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	124.606.363.170	154.494.937.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.655.412.183	112.082.100.936
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.294.877.736	4.757.329.642
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.233.469.410	4.732.007.291
13. Lợi nhuận khác	40		2.061.408.326	25.322.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.716.820.509	112.107.423.287
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>112.716.820.509</u>	<u>112.107.423.287</u>

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Tuyết Trinh



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh		
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	112.716.820.509	112.107.423.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.048.827.442	26.316.418.684
- Các khoản dự phòng	03	(4.188.916.605)	(16.405.271.703)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.848.481.526	45.722.566.874
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(514.227.320.131)	(508.635.625.927)
- Chi phí lãi vay	06	422.715.795.615	489.810.321.112
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	59.913.688.356	148.915.832.327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	537.479.503.130	60.327.882.038
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	36.838.956.988	(31.102.320.093)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(333.104.721.109)	406.526.731.214
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.589.643)	(4.980.588.111)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(498.167.126.833)	(531.177.341.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	44.446.055.025	2.612.272.627
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.605.287.909)	(19.681.558.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(167.240.521.995)	31.440.910.525
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(656.350.000)	(192.609.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	140.000.000	340.936.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(471.262.827.362)	(358.579.656.750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	619.632.438.045	348.302.228.021
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	425.329.247.236	194.869.940.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	373.451.323.073	377.296.148.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	946.633.830.992	562.036.986.855

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		1.662.927.960.525		4.402.647.623.045
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.578.539.706.692)		(5.179.718.402.582)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-		-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(915.611.746.167)</i>		<i>(777.070.779.537)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>(136.218.437.170)</i>		<i>(183.592.882.157)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	578.245.033.271		761.803.239.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		24.679.541		34.675.649
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	442.051.275.642		578.245.033.271

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**


Nguyễn Tuyết Trinh





Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) là công ty Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tổng công ty là xây lắp, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng công ty là:

- Các ngành nghề kinh doanh chính: Tổng thầu xây lắp (tổng thầu EPC) và thi công xây lắp các công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, điện, thủy lợi, tổ hợp các công trình ngầm; thi công và xử lý nền móng công trình; xây dựng nhà các loại; kinh doanh điện thương phẩm; sản xuất, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng; chế tạo và lắp đặt các thiết bị, máy móc công nghiệp; đầu tư phát triển và kinh doanh khu đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế; cho thuê văn phòng;
- Ngành nghề kinh doanh có liên quan: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; Tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ; Đào tạo phát triển nguồn nhân lực chuyên ngành về bất động sản và xây dựng; Xuất khẩu lao động; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Khách sạn; Dịch vụ nổ mìn./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tổng công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính tổng hợp

Ngày 22 tháng 02 năm 2016, Tổng công ty đã hoàn tất việc chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo thông báo của Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long tại Công văn số 53/CT/HĐQT.

Thực hiện chủ trương của Bộ Xây dựng tại Điều 1, Quyết định số 66/QĐ-BXD ngày 20 tháng 01 năm 2016: “Chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu phần sở hữu phần vốn nhà nước của Tổng công ty Sông Đà tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo hình thức ghi tăng - giảm vốn số liệu chuyển giao tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015”, Tổng công ty đã thực hiện hạch toán giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015.

Đối với các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty Sông Đà đã đứng ra vay cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, về bản chất Tổng công ty chỉ có trách nhiệm pháp lý chứ không trực tiếp sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh của mình. Theo Văn bản số 4242/BTC-CĐKT ngày 31/3/2016 về việc hạch toán các khoản vay tại dự án Xi măng Hạ Long của Vụ Chế độ kế toán và Kiểm toán - Bộ Tài chính thì khi tính toán, xác định các chỉ tiêu về năng lực tài chính cần được loại trừ (chi tiết xem Phụ lục I đính kèm).

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Theo quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Bộ Xây dựng thì giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty mẹ - Tổng công ty Sông Đà tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2015 là 18.502.543.348.877 VND (trong đó, giá trị tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại tăng thêm 40.448.405.983 VND), giá trị tài sản không cần dùng là 9.787.915.164 VND.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 chưa phản ánh bất kỳ sự thay đổi nào về giá trị tài sản được đánh giá lại khi xác định giá trị doanh nghiệp theo quyết định số 669/QĐ-BXD ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Bộ Xây dựng.

6. Cấu trúc Tổng công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 (*)	Km 10, đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	Xây lắp	40,77%	40,77%	40,77%
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Số 105 Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia lai	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Tầng 3, nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Tầng 5, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	64,16%	64,16%	64,16%
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Tầng 2, Nhà TM, khu đô thị Văn Khê, phường La Khê, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	65,00%	65,00%	65,00%
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Tòa nhà Sông Đà 9, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	58,50%	58,50%	58,50%
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Tầng 10- 11, nhà B, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	62,27%	62,27%	62,27%
Công ty Cổ phần Sông Đà 12 (*)	Tầng 12, Nhà A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	Tầng 5 tòa nhà CT1-Vimeco, đường Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu giấy, thành phố Hà Nội	Xây lắp	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà (*)	Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Xây lắp	46,15%	46,15%	46,15%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	Số 96, đường Phạm Văn Đồng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	SX điện thương phẩm	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	Thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La	SX điện thương phẩm	58,58%	58,58%	58,58%
Công ty Cổ phần Thủy điện Cản Đon	Thị trấn Thanh Bình, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước	SX điện thương phẩm	50,96%	50,96%	50,96%
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	Xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh	SX điện thương phẩm	57,35%	57,35%	57,35%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ tư vấn	51,01%	51,01%	51,01%
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	Tòa nhà Viettel, số 16, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, Việt Nam	Thu phí đường bộ	100,00%	100,00%	100,00%

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng công ty ít hơn 50% nhưng Tổng công ty có quyền bỏ đa số phiếu tại các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Do vậy các Công ty này bị Tổng công ty kiểm soát và khoản đầu tư được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính.

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Xây lắp	26,86%	26,86%	26,86%
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	Tầng 9, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	SX điện thương phẩm	44,77%	44,77%	44,77%
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	Trạm thu phí số 2 Km26+200 Quốc lộ 2, Xã Quất Lưu, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc	Thu phí đường bộ	28,65%	28,65%	28,65%
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	Số 03 Nguyễn Thiện Thuật, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa	Thu phí đường bộ	36,00%	36,00%	36,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	Số 19 phố Trúc Khê, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội	Bất động sản	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	Tòa nhà Sudico, đường Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Bất động sản	36,30%	36,30%	36,30%
Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Sông Đà - Ucrin	Tầng 26, khu A, Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Dịch vụ tư vấn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	Thôn Phú Nguyên, Xã Phú Riềng, Huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước	Sản xuất, xuất nhập khẩu cao su	25,00%	25,00%	25,00%

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Ban điều hành dự án Thủy điện Huội Quảng	Xã Chiềng Lao, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Văn phòng Đại diện Tổng công ty Sông Đà - Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	Bản Nậm Nhùn, thị trấn Nậm Nhùn, huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu
Ban điều hành dự án Thủy điện Sơn La	Xã Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 1	Khu vực Cửa khẩu Bờ Y, Huyện Ngọc Hồi, Tỉnh Kontum
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	Thôn 5, Xã Đăk Sin, Huyện Đăk R'Lấp, Tỉnh Đăk Nông
Ban điều hành dự án Thủy điện Bản Vẽ	Xã Yên Na – Huyện Trương Dương – Tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Hủa Na	Xã Đồng Văn - Huyện Quế Phong -Tỉnh Nghệ An
Ban điều hành dự án Thủy điện Xê ca mản 3	Thị trấn Thạnh Mỹ, huyện Giang Nam, tỉnh Quảng Nam
Ban điều hành gói thầu số 4	Xã Duy Sơn, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
Ban quản lý dự án Thủy điện Sê Kông 3	

7. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

8. **Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng công ty có 278 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 322 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Tổng công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Tổng công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Bru điện Liên Việt.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Tổng công ty thường xuyên có giao dịch).

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh phát sinh trong năm là các chứng khoán nhận được khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ đầu tư Việt Nam (Quỹ VIF). Số lượng chứng khoán được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị thị trường trên Báo cáo danh mục đầu tư tháng 3 năm 2016 của Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS (đối với các chứng khoán có giá giao dịch) hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm gần nhất với thời điểm ngày 13 tháng 5 năm 2016.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được ghi nhận được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tổng công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie không thu thập được Báo cáo tài chính nên không có cơ sở để xem xét trích dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác. Các khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý cũng không thu thập được Báo cáo tài chính thì không có cơ sở để xem xét trích dự phòng (khoản đầu tư Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà chưa thu thập được Báo cáo tài chính nên không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng).

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng công ty chủ yếu là chi phí tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp và công cụ dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này:

Chi phí tư vấn tái cơ cấu doanh nghiệp

Chi phí tái cơ cấu doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng trong thời gian vay là 32 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí ban điều hành

Chi phí Ban điều hành được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong từng năm không lớn hơn phần thu phí mà Ban điều hành được hưởng trong năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25 – 47
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08
Tài sản cố định khác	03 - 10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tổng công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 05 năm đến 10 năm.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

13. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tổng công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

CH
C
CH
M T
T
V/G

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp đường thẳng hoặc ghi tăng phần nợ gốc của trái phiếu nếu việc phân bổ được thực hiện theo phương pháp lãi suất thực tế. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản phản ánh số hiện có và tình hình tăng, giảm nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được hình thành do Ngân sách cấp hoặc đơn vị cấp trên cấp. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản của Tổng công ty được dùng cho việc đầu tư xây dựng mới, cải tạo, mở rộng cơ sở sản xuất, kinh doanh và mua sắm tài sản cố định để đổi mới công nghệ.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hoá, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hoá, dịch vụ khác).
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Tổng công ty không trình bày giao dịch với các bên liên quan trong Báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo qui định của chuẩn mực kế toán số 26 - Thông tin về các bên liên quan.

THÔNG TIN TÀI CHÍNH

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	2.305.038.211	3.308.278.114
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	439.746.237.431	512.438.811.810
Các khoản tương đương tiền (Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)		62.497.943.347
Cộng	442.051.275.642	578.245.033.271

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Cổ phiếu (*)				
Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	1.600.500.000			
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	1.577.041.250			
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	6.559.728.607			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	16.846.164.507			
Cộng	26.583.434.364			

(*) Các cổ phiếu được nhận khi rút vốn đầu tư khỏi Quỹ Đầu tư Việt Nam, được ghi nhận theo Biên bản hoàn trả tài sản ngày 13 tháng 5 năm 2016 giữa Công ty Liên doanh quản lý đầu tư BIDV VIETNAM PARTNERS và Tổng công ty Sông Đà. Chi tiết như sau:

	Số lượng cổ phiếu được nhận	Giá trị ghi sổ
	Công ty Cổ phần Giấy Sài Gòn	160.050
Công ty Cổ phần Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	230.225	1.577.041.250
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	294.277	6.559.728.607
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thủy sản Minh Phú	551.640	16.846.164.507
Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam	138.394	3.722.798.600
Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre	124.839	1.822.649.400
Cộng		32.128.882.364

Trong năm, Tổng công ty đã bán toàn bộ cổ phiếu của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam và Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Cầu Tre.

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tĩnh.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	2.371.626.856.388	(31.256.877.569)	2.741.069.169.252	(39.040.360.601)
<i>Các Công ty con do Tổng công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	82.937.094.187		82.937.094.187	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	65.703.263.029		65.703.263.029	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	201.908.800.000		201.908.800.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	193.378.247.507		193.378.247.507	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	195.227.660.440		195.227.660.440	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	268.343.698.000		268.343.698.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	142.800.000.000		142.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến (1)	557.250.449.375		557.250.449.375	
Công ty Cổ phần thép Việt - Ý			271.360.736.917	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	195.182.948.404		195.182.948.404	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	9.289.363.562		9.289.363.562	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	12.750.000.000	(8.055.300.337)	12.750.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn (1)	163.789.500.000		170.465.500.000	(10.207.080.317)
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	161.307.047.149		161.307.047.149	
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội			22.000.000.000	(5.500.000.000)
Công ty TNHH Một thành viên Phát triển nhà Khánh Hòa			69.405.575.947	
<i>Các Công ty con do Tổng công ty nắm giữ dưới 50% quyền biểu quyết nhưng có quyền bỏ đa số phiếu tại cuộc họp Hội đồng quản trị</i>				
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	57.272.797.994		57.272.797.994	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	24.500.000.000	(23.201.577.232)	24.500.000.000	(23.333.280.284)
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	39.985.986.741		39.985.986.741	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.717.144.865.100		1.927.186.865.100	(7.117.589.774)
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	28.212.000.000		28.212.000.000	
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2	44.700.000.000		44.700.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà	90.000.000.000		90.000.000.000	
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.782.968.647		1.782.968.647	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	333.904.845.544		333.904.845.544	
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie (2)	100.000.000.000		100.000.000.000	
Công ty Cổ phần điện Việt Lào	1.097.658.050.909		1.097.658.050.909	
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Khánh Hòa	20.887.000.000			
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (3)			199.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền			31.929.000.000	(7.117.589.774)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	427.577.600.000	(34.279.020.000)	283.697.600.000	(58.199.800.000)
Đầu tư cổ phiếu	427.467.600.000	(34.279.020.000)	232.467.600.000	(58.199.800.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung (3)	32.814.400.000		32.814.400.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex (3)	40.230.600.000		40.230.600.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh (3)	13.020.000.000		13.020.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Sơn Trà	1.536.000.000		1.536.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mực	5.880.000.000		5.880.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Dung Quất	538.200.000		538.200.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Đất Vàng	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà Sao	300.000.000		300.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà (3)	33.541.200.000		33.541.200.000	
Công ty Cổ phần Công nghiệp Cao su COECO	4.573.200.000		4.573.200.000	
Công ty Cổ phần Khai thác và Chế biến Khoáng sản Sông Đà	25.724.000.000		25.724.000.000	
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà	250.000.000	(197.800.000)	250.000.000	(139.800.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	58.060.000.000	(34.081.220.000)	58.060.000.000	(58.060.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy điện Hồ Bốn (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Bắc 1)	2.000.000.000		5.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Quân đội (3)	199.000.000.000			

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Xây lắp			1.000.000.000	
Dịch vụ Sông Đà				
Đầu tư vào đơn vị khác	110.000.000	-	51.230.000.000	-
Quỹ đầu tư Việt Nam			51.120.000.000	
Tập đoàn Hà Thành	110.000.000		110.000.000	
Cộng	4.516.349.321.488	(65.535.897.569)	4.951.953.634.352	(104.357.750.375)

Trong đó: Đầu tư từ vốn nhận ủy thác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
(1) Đầu tư vào công ty con	48.663.500.000	55.339.500.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	38.718.000.000	38.718.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	9.945.500.000	16.621.500.000
(2) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	9.400.000.000	9.400.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	9.400.000.000	9.400.000.000
(3) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	21.236.600.000	21.236.600.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - đầu tư từ Quỹ Sông Đà	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển điện miền Trung	480.000.000	480.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Vinaconex	906.600.000	906.600.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakdrinh	1.300.000.000	1.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	9.550.000.000	9.550.000.000
Cộng	79.300.100.000	85.976.100.000

Trong năm, Tổng công ty đã thực hiện thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các đơn vị sau:

- + Công ty Cổ phần Thép Việt ý
- + Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội
- + Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền
- + Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tỷ lệ cổ phần sở hữu tại các công ty con như sau:

Các đơn vị đã niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp	Vốn điều lệ	Giá trị cổ phần theo mệnh giá	Vốn đã đầu tư
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	40,77%	144.235.360.000	58.800.000.000	57.272.797.994
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	51,00%	159.993.560.000	81.600.000.000	82.937.094.187
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	65,00%	103.000.000.000	66.950.000.000	65.703.263.029
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	64,16%	259.998.480.000	166.816.800.000	201.908.800.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	65,00%	347.716.110.000	226.015.400.000	193.378.247.507
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	58,50%	342.340.000.000	200.269.440.000	195.227.660.440
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	62,27%	427.323.110.000	266.074.070.000	268.343.698.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	49,00%	50.000.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	50,96%	459.991.500.000	234.407.040.000	195.182.948.404
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	51,01%	26.097.100.000	13.311.000.000	9.289.363.562
Công ty Cổ phần Cơ khí lắp máy Sông Đà	46,15%	83.536.200.000	38.556.000.000	39.985.986.741
Cộng				<u>1.333.729.859.864</u>

Các đơn vị chưa niêm yết cổ phiếu

Tên công ty con	Tỷ lệ vốn góp	Vốn điều lệ	Vốn góp theo cam kết	Vốn đã đầu tư	Vốn còn phải đầu tư
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	51,00%	280.000.000.000	142.800.000.000	142.800.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	57,35%	285.620.000.000	163.789.500.000	163.789.500.000	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	51,00%	50.000.000.000	25.500.000.000	12.750.000.000	12.750.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	58,58%	1.200.000.000.000	557.250.449.375	557.250.449.375	
Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà	100,00%	230.000.000.000	230.000.000.000	161.307.047.149	68.692.952.851
Cộng		2.045.620.000.000	1.119.339.949.375	<u>1.037.896.996.524</u>	<u>81.442.952.851</u>
Tổng cộng các khoản đầu tư vào Công ty con				<u>2.371.626.856.388</u>	

Giá trị hợp lý

Tổng công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(104.357.750.375)	(120.763.022.078)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.113.300.337)	(63.561.072.485)
Sử dụng dự phòng	5.280.000.000	
Hoàn nhập dự phòng	41.655.153.143	79.966.344.188
Số cuối năm	(65.535.897.569)	(104.357.750.375)

3. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>1.418.015.890.016</i>	<i>957.227.383.792</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		14.199.459.991
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	4.133.221	2.255.647
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	290.580.868	320.461.986
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	51.889.846	12.423.542.949
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	82.809.984	226.485.422
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	10.611.175	106.070.875
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	769.492.729	164.587.037
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	664.105.908.330	263.743.396.523
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	30.427.747	855.178.390
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	387.170.462	387.170.462
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	69.029.200	
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	27.354.912	13.788.656
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	2.565.445.845	27.535.905.562
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	555.606.946.138	551.597.539.886
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	192.407.479.971	85.299.316.605
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	1.257.795.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	348.814.588	352.223.801
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>1.189.731.552.220</i>	<i>1.479.082.620.857</i>
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Nhà Quốc hội	134.233.852.446	106.796.546.283
Ban Quản lý Dự án các Công trình điện Miền Bắc	33.462.937.325	29.863.719.995
Ban Quản lý Dự án thủy điện 1	95.075.303.206	137.448.922.693
Ban Quản lý Dự án thủy điện 2	27.177.805.308	32.042.772.658
Ban Quản lý Dự án thủy điện 4	63.231.823.051	63.231.823.051
Ban Quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5	524.772.038.806	598.365.182.934
Ban Quản lý Dự án Nhà máy thủy điện Sơn La	46.503.873.273	165.618.441.613
Công ty Cổ phần Thủy điện Hủa Na	79.717.032.931	223.046.315.754
Tổng công ty ĐTPT Đường cao tốc Việt Nam	72.541.422.940	33.240.251.120
Công ty Mua Bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	27.848.202.467	25.595.938.166
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	20.220.333.777	20.220.333.777
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	30.478.018.121	13.252.679.929
Các đối tượng khác	34.468.908.569	30.359.692.884
Cộng	2.607.747.442.236	2.436.310.004.649

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>188.542.681.659</i>	<i>234.174.834.271</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến		74.163.749.752
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	188.542.681.659	160.011.084.519
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>411.773.504.935</i>	<i>509.456.283.253</i>
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Thủy điện Sơn La	267.004.877.105	325.888.604.937
Ban quản lý dự án Thủy điện 1	144.768.627.830	183.567.678.316
Cộng	600.316.186.594	743.631.117.524

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>109.856.286.229</i>	<i>286.772.137.940</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 2		5.722.973.113
Công ty Cổ phần Sông Đà 3		19.931.885.581
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	5.000.000.000	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	9.909.096.399	18.819.238.443
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	200.000.000	6.179.100.261
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	3.569.851.875	10.954.674.828
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	9.348.506.409	5.351.550.551
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	800.000.000	800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phòng cháy chữa cháy Sông Đà	333.929.700	631.945.500
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	70.845.444.518	75.996.323.424
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	2.419.713.086	3.673.337.086
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	10.010.783	119.277.009.575
Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long	7.419.733.459	14.434.099.578
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>64.524.378.187</i>	<i>136.267.900.928</i>
Công ty Cổ phần LiLamma 10	3.918.958.045	13.321.762.981
Tổng công ty Cơ Khí Xây dựng		12.100.752.766
Công ty Cổ phần Sbtech	8.713.025.756	8.713.025.756
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà Yaly		5.408.960.833
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại và Vận tải Thành Trang	13.702.950.000	12.000.000.000
Các đối tượng khác	38.189.444.386	84.723.398.592
Cộng	174.380.664.416	423.040.038.868

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn/dài hạn

5a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>784.816.138.351</i>	<i>497.393.328.695</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.410.892.728	1.265.126.022
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	3.500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	2.351.525.880	2.108.580.936
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	23.662.061.801	23.662.061.801
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn		2.040.081.262
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	753.891.657.942	468.317.478.674
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.692.605.449.840</i>	<i>2.440.576.469.655</i>
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - vốn lưu động	997.009.156.984	997.009.156.984
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại	1.648.875.826.443	1.402.535.494.352
Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng	31.620.466.413	25.931.818.319
Công ty Cổ phần Thủy điện Sứ Pán 2	15.000.000.000	15.000.000.000
Viện Kinh tế Xây dựng	100.000.000	100.000.000
Cộng	3.477.421.588.191	2.937.969.798.350

5b. Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>172.129.574.016</i>	<i>173.886.198.628</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	64.548.609.636	65.207.324.485
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	107.580.964.380	108.678.874.143
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.335.238.127.179</i>	<i>2.057.795.603.996</i>
Sở Xây dựng Sơn La	100.000.000	100.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long - cho vay lại	1.335.138.127.179	2.057.695.603.996
Cộng	1.507.367.701.195	2.231.681.802.624

5c. Thông tin liên quan đến các khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại

Chi tiết về các khoản cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	USD	EUR	Quy đổi VND
<i>Thời hạn dưới 1 năm</i>	<i>610.385,98</i>	<i>67.672.145,12</i>	<i>1.648.875.826.443</i>
Vay Ngân hàng NIB		8.240.145,54	199.081.916.247
Vay Ngân hàng Natixis		12.613.291,09	304.737.112.734
Vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)	610.385,98		13.916.800.344
Vay Bộ tài chính		46.818.708,49	1.131.139.997.118
<i>Thời hạn trên 1 năm</i>	<i>27.924.809,79</i>	<i>28.909.456,29</i>	<i>1.335.138.127.179</i>
Vay ngân hàng NIB		5.768.101,85	139.357.340.696
Vay ngân hàng Natixis		17.743.432,60	428.681.331.616
Vay Ngân hàng ADB	27.924.809,79		636.685.663.212
Vay Bộ tài chính		5.397.921,84	130.413.791.655
Cộng	28.535.195,77	96.581.601,41	2.984.013.953.622

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	132.653.120.781		479.558.750.429	(5.000.000.000)
<i>Phải thu về tiền cổ tức</i>	<i>31.583.455.478</i>		<i>13.124.017.986</i>	<i>(5.000.000.000)</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4			4.686.500.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	26.607.407.000			
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	735.000.000		735.000.000	
Công ty Cổ phần BOT Quốc lộ 2			2.235.000.000	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	3.103.000.000			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà			5.000.000.000	(5.000.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Uerin	1.138.048.478		467.517.986	
Phải thu các khoản khác	101.069.665.303		466.434.732.443	
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	189.000.000		66.700.729	
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	288.852.161		52.280.793	
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	742.567.407		184.487.681	
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.169.092.000		521.851.521	
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.807.605.451		2.958.511.592	
Công ty Cổ phần Sông Đà 9			1.024.726.014	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	7.315.456.595		508.129.017	
Công ty Cổ phần Sông Đà 12			50.725.559	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A			9.158.850	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	29.056.952.828		28.992.547.828	
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	211.925.000		168.238.000	
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư xây dựng Sông Đà	305.857.200		56.534.350	
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	18.987.496.487		18.904.118.728	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn			3.225.357.714	
Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà			9.022.985.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Mu	135.567.867		135.567.867	
Công ty Cổ phần Điện Việt - Lào	26.860.794.222		376.855.685.162	
Công ty TNHH MTV Điện Xekaman 1	4.839.600.000		4.839.600.000	
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	6.306.054.119		10.306.054.119	
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	1.852.843.966		7.373.556.779	
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9			7.373.556.779	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	468.605.257.109	(49.397.991.538)	399.794.904.459	(25.328.575.337)
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	304.345.880.976		243.492.828.601	
- Lãi và phí cho vay lại				
Quý Đầu tư Việt Nam			6.480.000.000	
Tạm ứng	4.405.279.925		4.706.789.493	
Cổ tức lợi nhuận được chia	32.596.470.000	(19.763.178.000)	41.156.990.000	(25.046.698.000)
Các khoản phải thu khác	127.257.626.208	(29.634.813.538)	108.390.137.894	(281.877.337)
Cộng	601.258.377.890	(49.397.991.538)	879.353.654.888	(30.328.575.337)

7. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>				5.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Đô thị Sông Đà - tiền cổ tức			Trên 3 năm	5.000.000.000
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		51.138.468.119		26.969.051.918
Tổng công ty Sông Hồng - tiền cổ tức	Trên 3 năm	19.763.178.000	Trên 3 năm	19.763.178.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 7 - tiền cổ tức			Trên 3 năm	3.814.720.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Sông Đà - tiền cổ tức			Trên 3 năm	1.468.800.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 1 - Lãi vay vốn lưu động	Trên 3 năm	16.804.510.932		
Nhà thầu METSO - Khối lượng công trình Thủy điện Tuyên Quang	Trên 3 năm	8.128.141.486		
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	6.442.637.701	Trên 3 năm	2.022.353.918
Cộng		51.138.468.119		32.069.051.918

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Nợ phải thu và cho vay ngắn hạn	Nợ phải thu và cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	32.069.051.918		32.069.051.918
Trích lập dự phòng bổ sung	29.352.936.201		29.352.936.201
Sử dụng dự phòng	(10.283.520.000)		(10.283.520.000)
Số cuối năm	51.138.468.119		51.138.468.119

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	57.799.123		65.320.898	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.807.541.387		40.638.976.600	
Cộng	3.865.340.510		40.704.297.498	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thiết bị văn phòng	140.870.424	186.070.192
Chi phí tư vấn hợp đồng McKinsey	47.364.302.262	47.364.302.262
Chi phí thiết bị Sesan 3	2.962.350.827	2.962.350.827
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	351.311.878	1.074.599.655
Cộng	50.818.835.391	51.587.322.936

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí tư vấn tái cấu trúc	53.002.358.665	55.123.777.846
Chi phí công cụ dụng cụ	18.939.165	218.025.093
Chi phí quản lý trạm y tế		414.240.119
Chi phí quản lý Ban điều hành	9.763.783.159	6.167.248.634
Các chi phí trả trước dài hạn khác	522.104.700	573.816.809
Cộng	63.307.185.689	62.497.108.501

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.105.632.684.287	8.230.952.567	32.221.543.390	2.424.361.454	1.718.698.828	1.150.228.240.526
Mua trong năm	-	-	-	99.800.000	556.550.000	656.350.000
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(684.304.955)	-	-	(684.304.955)
Số cuối năm	1.105.632.684.287	8.230.952.567	31.537.238.435	2.524.161.454	2.275.248.828	1.150.200.285.571
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.698.310.528	1.635.744.041	17.018.752.831	1.394.055.455	1.021.058.828	22.767.921.683
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	106.754.777.400	1.802.282.883	26.168.706.201	1.773.614.028	1.452.111.548	137.951.492.060
Khấu hao trong năm	23.757.718.596	65.472.746	1.604.212.225	254.937.090	215.940.557	25.898.281.214
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(684.304.955)	-	-	(684.304.955)
Số cuối năm	130.512.495.996	1.867.755.629	27.088.613.471	2.028.551.118	1.668.052.105	163.165.468.319
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	998.877.906.887	6.428.669.684	6.052.837.189	650.747.426	266.587.280	1.012.276.748.466
Số cuối năm	975.120.188.291	6.363.196.938	4.448.624.964	495.610.336	607.196.723	987.034.817.252
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	2.944.190.436	6.282.882.526	507.548.197	185.650.000	-	9.920.271.159
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo số sách là 960.569.176.618 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Nam Định.

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	337.478.200	1.187.205.923	1.524.684.123
Số cuối năm	337.478.200	1.187.205.923	1.524.684.123
<i>Trong đó:</i> Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		117.827.360	117.827.360
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	267.328.949	875.181.055	1.142.510.004
Khấu hao trong năm	16.873.908	133.672.320	150.546.228
Số cuối năm	284.202.857	1.008.853.375	1.293.056.232
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	70.149.251	312.024.868	382.174.119
Số cuối năm	53.275.343	178.352.548	231.627.891
<i>Trong đó:</i> Tạm thời không sử dụng Đang chờ thanh lý			

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí xây dựng cơ bản Dự án Thủy điện Sekong 3.

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn

13a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.451.048.917.029	2.456.943.239.098
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	28.803.376.549	18.091.343.768
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	214.755.565.819	255.371.341.090
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	138.866.677.606	180.311.961.198
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	135.801.356.083	135.342.609.534
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	369.861.862.884	352.364.513.789
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	226.677.978.179	236.536.884.628
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	497.539.447.523	466.681.916.492
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	1.053.991.399	2.374.954.596
Công ty Cổ phần Thủy Điện Cần Đơn	264.931.601.399	202.884.810.259
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	16.812.150.201	11.613.511.188
Công ty Cổ phần Phòng cháy chữa cháy và Đầu tư Xây dựng Sông Đà	371.288.000	1.364.713.394
Công ty Cổ phần Cơ khí - Lắp máy Sông Đà	169.773.361.174	123.001.267.003
Công ty TNHH Một thành viên Công trình Giao thông Sông Đà	13.715.459.317	23.280.429.104
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	116.585.206.309	129.742.352.465
Công ty TNHH Một thành viên Someco Thiết Kế	1.254.400.146	1.254.400.146
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	115.618.998.049	173.518.791.519
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà - Ucrin	3.809.867.936	753.745.987

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Sông Đà	67.070.600.000	67.070.600.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	60.135.123.958	9.468.834.624
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	7.610.604.498	65.914.258.314
Phải trả các nhà cung cấp khác	756.299.182.628	867.977.438.455
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	68.050.200.866	90.419.355.775
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	83.262.697.906	90.942.505.124
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Đà (Sotraco)	68.353.459.712	63.676.224.273
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	56.162.959.907	60.472.200.086
Công ty Cổ phần Licogi 12	30.095.361.621	60.362.722.355
Công ty Cổ phần Lilama 10	20.879.950.845	46.761.713.809
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà	73.840.470.025	33.796.123.872
Các đối tượng khác	355.654.081.746	421.546.593.161
Cộng	<u>3.207.348.099.657</u>	<u>3.324.920.677.553</u>

13b. Phải trả người bán dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	705.014.161.003	748.149.259.066
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	4.816.933.762	4.661.479.516
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	13.638.621.400	16.416.881.868
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	74.512.014.562	71.038.341.297
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	127.296.683.992	174.602.437.051
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	122.073.260.737	135.089.136.582
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	124.703.038.781	125.002.550.429
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	123.818.509.197	112.595.209.927
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	4.951.515.531	3.826.639.806
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	5.001.088.478	5.590.489.547
Công ty Cổ phần Cơ khí Lắp máy Sông Đà	45.194.583.540	43.420.145.645
Công ty TNHH Một thành viên Công ty Giao thông Sông Đà	593.706.378	593.706.378
Công ty TNHH Một thành viên Sông Đà 10.1	24.810.309.226	23.285.973.382
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà – Ucrin	1.651.654.381	1.504.486.664
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	10.216.152.878	9.870.991.672
Công ty TNHH MTV Sông Đà 11 Thăng Long	6.129.197.453	5.795.949.332
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.9	15.606.890.707	14.854.839.970
Phải trả các nhà cung cấp khác	230.011.520.397	238.005.023.793
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	107.751.744.715	103.799.080.627
Công ty Cổ phần Sông Đà 8	12.334.025.182	12.334.025.182
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	4.852.036.387	3.819.435.875
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà 9	8.604.421.744	14.158.111.744
Công ty Cổ phần Sông Đà 909 (SCI)	16.255.378.692	22.340.560.492
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	16.865.186.031	15.820.328.813
Các đối tượng khác	63.348.727.646	66.313.497.058
Cộng	<u>935.025.681.400</u>	<u>986.154.282.859</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	92.180.941.682	350.450.767.283
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	580.083.678	580.083.678
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào		120.558.000.000
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	59.461.435.997	197.173.261.598
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	32.139.422.007	32.139.422.007
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	39.863.679.966	118.348.494.410
Tổng công ty Đầu tư Phát triển Đường cao tốc Việt Nam		23.888.399.765
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Nhà Quốc Hội	2.771.963.165	14.774.154.610
Ban quản lý dự án Nhà máy Thủy điện Đồng Nai 5 - Vinacomin		25.660.152.860
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	8.275.057.788	23.982.881.453
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	13.891.500.000	13.891.500.000
Ban Quản lý Dự án Các Công trình Điện Miền Trung	2.361.159.343	2.361.159.343
Các khách hàng khác	12.563.999.670	13.790.246.379
Cộng	132.044.621.648	468.799.261.693

15. Nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	2.658.827.591	11.017.365	21.698.643.483	(25.816.864.554)	763.225.475	2.235.636.320
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.122.018.560		15.355.851.227	(19.604.360.433)	98.128.309	2.224.618.955
Thuế xuất, nhập khẩu			312.882.059	(312.882.059)		
Thuế thu nhập cá nhân	406.928.896	11.017.365	1.519.834.768	(1.391.546.633)	535.217.031	11.017.365
Thuế nhà đất, tiền thuê đất			4.210.504.610	(4.210.504.610)		
Các loại thuế khác	121.385.634		299.570.819	(297.570.819)	121.385.634	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	8.494.501				8.494.501	
<i>Lợi nhuận nộp ngân sách</i>			56.343.465.945	(56.343.465.945)		
Cộng	2.658.827.591	11.017.365	78.042.109.428	(82.160.330.499)	763.225.475	2.235.636.320

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Tổng công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoạt động xây lắp, bán điện	10%
- Hoạt động dịch vụ	10%
- Hoạt động cho thuê văn phòng	10%
- Hoạt động cho thuê xe ô tô	5%
- Hoạt động bán thiết bị nhập khẩu trong nước chưa sản xuất	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tổng công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước là 22%)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	112.716.820.509	112.107.423.287
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	32.364.273.800	(24.331.836.559)
- Các khoản điều chỉnh tăng	32.388.953.341	4.513.699.032
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại phải thu</i>	<i>3.638.587.174</i>	
<i>Hoàn nhập lãi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước</i>	<i>28.750.366.167</i>	<i>4.513.699.032</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(24.679.541)	(28.845.535.591)
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá của khoản tiền và phải thu</i>	<i>(24.679.541)</i>	<i>(28.750.366.167)</i>
<i>Hoàn nhập lỗi chênh lệch tỷ giá của khoản phải thu và tiền năm trước</i>		<i>(95.169.424)</i>
Thu nhập chịu thuế	145.081.094.309	87.775.586.728
Thu nhập được miễn thuế	206.240.327.462	250.433.494.851
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	(61.159.233.153)	(162.657.908.123)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp		

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế nhà đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng công ty kê khai và nộp theo quy định.



TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	210.146.518.838	294.768.926.698
Chi phí lãi trái phiếu phải trả	24.245.833.333	23.214.583.333
Chi phí công trình xây dựng	175.966.434.455	210.488.370.601
Các chi phí khác	5.953.371.138	7.048.635.693
Cộng	416.312.157.764	535.520.516.325

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

Là các khoản tiền cho thuê văn phòng khách hàng trả trước

17a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Organno Gold Việt Nam	-	349.390.746
Công ty TNHH DOOWOON Việt Nam	365.317.527	368.263.637
Công ty TNHH Quốc tế Liên doanh Vinaconex-Taisei	435.196.800	440.569.600
Công ty TNHH Trường Doanh Nhân PTI	272.048.485	
Công ty Cổ phần Đầu tư K&G Việt Nam	543.756.288	
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại Phú Minh Châu	304.163.561	
Các đối tượng khác	2.782.853.720	1.535.198.513
Cộng	4.703.336.381	2.693.422.496

17b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	<i>63.760.753.125</i>	<i>65.374.382.180</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	34.767.440.185	35.568.943.669
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	28.993.312.940	29.661.703.868
Công ty Cổ phần Sông Đà – Ucrin		143.734.643
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>89.200.069.975</i>	<i>87.909.476.639</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	17.729.380.226	18.138.100.574
Công ty Cổ phần Sông Đà 5.05	8.274.953.116	8.465.717.920
Công ty Cổ phần Sông Đà 207	188.148.511	621.663.811
Tổng công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển xây dựng	5.130.149.663	5.327.173.763
Công ty Cổ phần thép Việt Ý	34.082.364.891	34.868.075.151
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	8.737.132.465	6.589.566.411
Ngân hàng TMCP Quân Đội	15.057.941.103	13.899.179.009
Cộng	152.960.823.100	153.283.858.819

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	262.695.324.637	141.997.496.776
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.159.195.429	1.157.767.364
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	16.835.472.287	18.700.441.931
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	239.651.132
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	30.880.948	163.835.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	500.000.000	1.542.373.681
Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn	5.683.242	-
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	239.712.816.609	115.002.100.911
Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông Sông Đà	19.364.600	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	17.813.251	777.228.486
Công ty TNHH Điện Xekaman 3	4.414.098.271	4.414.098.271
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	199.919.894.451	49.517.847.065
Kinh phí công đoàn	712.624.648	701.671.901
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	155.873.132	831.453.448
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	8.150.964.046	4.786.748.618
Các quỹ tự nguyện	14.778.473.811	15.803.253.754
Lãi vay NIB	43.532.299.294	
Lãi vay và các khoản phải trả Bộ Tài chính	104.012.806.692	
Các khoản phải trả khác	28.576.852.828	27.391.293.224
Cộng	462.615.219.088	191.515.343.841

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.400.000.000	11.400.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 2 - tiền nhận ủy thác đầu tư	2.600.000.000	2.600.000.000
Công ty Cổ phần thủy điện Đăkrink	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển khu kinh tế Hải Hà	400.000.000	400.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 9 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển khu kinh tế Hải Hà	1.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10 - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển khu kinh tế Hải Hà	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - tiền nhận ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng Kratie	2.400.000.000	2.400.000.000

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	64.657.573.297	70.009.407.562
Phải trả người ủy thác đầu tư	58.900.100.000	65.576.100.000
Ký quỹ, ký cược dài hạn	2.057.354.335	2.057.354.335
Các khoản phải trả dài hạn khác	3.700.118.962	2.375.953.227
Cộng	76.057.573.297	81.409.407.562

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn các bên liên quan	15.815.791.612	14.658.205.021
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	15.815.791.612	14.658.205.021
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.433.739.364.900	2.568.583.428.298
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	562.431.093.673	981.278.436.513
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	354.975.478.510	481.919.768.563
Chi nhánh Sở Giao dịch I	159.319.480.394	159.020.569.646
Chi nhánh Hà Tây	44.884.027.893	142.645.466.973
Chi nhánh Cầu Giấy	150.771.970.223	180.253.731.944
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây		126.085.384.270
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	55.312.152.954	125.408.777.688
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	127.000.000.000	145.518.497.290
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt nam		8.095.410.386
Ngân hàng TMCP Tiên phong - Chi nhánh Phạm Hùng	25.143.462.209	94.250.598.316
<i>Vay ngắn hạn các tổ chức khác</i>	254.093.087	254.562.399
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)</i>	1.871.054.178.144	1.587.050.429.386
Cộng	2.449.555.156.516	2.583.241.633.319

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Lãi nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá cuối năm	Số cuối năm
Vay các bên liên quan	14.658.205.021			1.157.586.591			15.815.791.612
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	14.658.205.021			1.157.586.591			15.815.791.612
Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác	2.568.583.428.298	1.659.512.736.876	680.381.433.218	2.254.030.223	(2.450.330.262.265)	(26.662.001.450)	2.433.739.364.904
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>981.278.436.513</i>	<i>1.659.512.736.876</i>	-		<i>(2.080.614.109.939)</i>		<i>562.431.093.673</i>
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	481.919.768.563	746.913.140.234	-		(963.857.430.287)		354.975.478.510
<i>Chi nhánh Sở Giao dịch I</i>	<i>159.020.569.646</i>	<i>276.020.934.146</i>			<i>(275.722.023.398)</i>		<i>159.319.480.394</i>
<i>Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>142.645.466.973</i>	<i>160.953.346.668</i>			<i>(258.714.785.748)</i>		<i>44.884.027.893</i>
<i>Chi nhánh Cầu Giấy</i>	<i>180.253.731.944</i>	<i>309.938.859.420</i>			<i>(339.420.621.141)</i>		<i>150.771.970.223</i>
<i>Chi nhánh Hà Tĩnh</i>		<i>90.000.000.000</i>			<i>(90.000.000.000)</i>		
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Đại An	126.085.384.270	105.000.000.000		2.254.030.223	(107.254.030.223)		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây					(126.085.384.270)		
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Mỹ Đình	125.408.777.688	233.597.396.927			(303.694.021.661)		55.312.152.954
Ngân hàng TMCP Bảo Việt	145.518.497.290	453.640.663.870			(472.159.161.160)		127.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Hội sở chính	8.095.410.386	5.218.073.636			(13.313.484.022)		
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Phạm Hùng	94.250.598.316	25.143.462.209			(94.250.598.316)		25.143.462.209
Vay tổ chức khác	254.562.399			(469.312)			254.093.087
Vay dài hạn đến hạn trả	1.587.050.429.386		680.381.433.218	(369.715.683.010)	(369.715.683.010)	(26.662.001.450)	1.871.054.178.144
Ngân hàng NIB	282.297.143.140		69.028.571.498		-	(6.182.857.150)	345.142.857.488
Ngân hàng Phát triển Châu Á	45.528.663.579		50.034.210.804		(45.528.663.579)		50.034.210.804
Ngân hàng Natixis	292.187.019.431		304.737.112.734		(292.187.019.431)		304.737.112.734
Quỹ tích lũy nợ - Bộ Tài chính	935.037.603.236		216.581.538.182			(20.479.144.300)	1.131.139.997.118
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	32.000.000.000		40.000.000.000		(32.000.000.000)		40.000.000.000
Cộng	2.583.241.633.319	1.659.512.736.876	680.381.433.218	3.411.616.814	(2.450.330.262.265)	(26.662.001.450)	2.449.555.156.516

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	3.111.433.834.609	3.698.510.506.152
Ngân hàng NIB ⁽ⁱ⁾	241.599.999.516	317.584.285.290
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.357.981.093.292	2.382.045.299.023
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	74.331.761.772	73.480.215.623
Ngân hàng Natixis	428.681.331.616	876.561.057.799
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	8.839.648.413	48.839.648.417
Vay Bộ tài chính	130.413.791.655	354.765.382.545
Trái phiếu ⁽ⁱⁱ⁾	1.239.280.337.591	1.231.140.510.949
Mệnh giá	1.250.000.000.000	1.250.000.000.000
Chi phí phát hành	<u>(10.719.662.409)</u>	<u>(18.859.489.051)</u>
Cộng	<u>4.481.127.963.855</u>	<u>5.284.416.399.646</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng NIB để góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long.

(ii) Trái phiếu thường được phát hành cho 03 ngân hàng: Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt, Ngân hàng TMCP Tiên phong, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để tái cơ cấu các khoản nợ. Kỳ hạn của trái phiếu là 3 năm tính từ ngày 27 tháng 4 năm 2015. Lãi suất áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên của trái phiếu là 11%/năm, lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo của trái phiếu được xác định tại ngày làm việc thứ 7 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi, bằng bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn 12 tháng của 04 Ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Sở Giao dịch, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở Giao dịch I, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch cộng thêm 4%. Tài sản đảm bảo là Cổ phiếu mà Tổng công ty Sông Đà nắm giữ bao gồm: SD5, SD6, SD9, SDT, SJS, SJD, SD2, SD3, SJE, SD4, SIC, SEB.

Chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá trái phiếu và được phân bổ theo thời hạn đáo hạn của trái phiếu.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
Số cuối năm				
Vay dài hạn ngân hàng	3.851.348.015.635	739.914.181.026	955.721.167.358	2.155.712.667.251
Vay dài hạn Bộ Tài chính	1.261.553.788.773	1.131.139.997.118	130.413.791.655	
Trái phiếu thường	1.239.280.337.591		1.239.280.337.591	
Cộng	<u>6.352.182.141.999</u>	<u>1.871.054.178.144</u>	<u>2.325.415.296.604</u>	<u>2.155.712.667.251</u>
Số đầu năm				
Vay dài hạn ngân hàng	4.350.523.332.302	668.852.474.567	1.445.861.864.884	2.235.808.992.851
Vay dài hạn Bộ Tài chính	1.289.802.985.781	935.037.603.236	354.765.382.545	
Trái phiếu thường	1.231.140.510.949		1.231.140.510.949	
Cộng	<u>6.871.466.829.032</u>	<u>1.603.890.077.803</u>	<u>3.031.767.758.378</u>	<u>2.235.808.992.851</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Lãi nhập gốc	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	Phân bổ vào chi phí	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	3.698.510.506.152	3.606.831	(128.209.444.427)	(463.799.895.036)	4.929.061.089		3.111.433.834.609
Ngân hàng NIB ⁽¹⁾	317.584.285.290			(69.028.571.498)	(6.955.714.276)		241.599.999.516
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay thông thường	2.382.045.299.023		(1.489.818.491)	(50.034.210.804)	27.459.823.564		2.357.981.093.292
Ngân hàng Phát triển Châu Á - vay đặc biệt	73.480.215.623	3.606.831			847.939.318		74.331.761.772
Ngân hàng Natixis	876.561.057.799		(126.719.625.932)	(304.737.112.734)	(16.422.987.517)		428.681.331.616
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Nam Định	48.839.648.417		(4)	(40.000.000.000)			8.839.648.413
Vay Bộ Tài chính	354.765.382.545			(216.581.538.182)	(7.770.052.708)		130.413.791.655
Trái phiếu thường	1.231.140.510.949					8.139.826.642	1.239.280.337.591
Cộng	5.284.416.399.646	3.606.831	(128.209.444.427)	(680.381.433.218)	(2.840.991.619)	8.139.826.642	4.481.127.963.855

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19c. Thông tin liên quan đến các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại

Chi tiết về các khoản vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

	Tổng dư nợ vay	Cho Xi măng Hạ Long vay lại	Cho các Công ty con vay và sử dụng vào SXKD
Thời hạn dưới 1 năm	1.831.054.178.144	1.648.875.826.442	182.178.351.702
Vay Ngân hàng NIB	345.142.857.488	199.081.916.246	146.060.941.242
Vay ngân hàng Natixis	304.737.112.734	304.737.112.734	-
Vay ngân hàng ADB	50.034.210.804	13.916.800.344	36.117.410.460
Vay Bộ Tài chính	1.131.139.997.118	1.131.139.997.118	-
Thời hạn trên 1 năm	3.158.676.216.079	1.335.138.127.179	1.823.538.088.900
Vay ngân hàng NIB	241.599.999.516	139.357.340.696	102.242.658.820
Vay ngân hàng Natixis	428.681.331.616	428.681.331.616	-
Vay Ngân hàng ADB	2.357.981.093.292	636.685.663.212	1.721.295.430.080
Vay Bộ Tài chính	130.413.791.655	130.413.791.655	-
Cộng	4.989.730.394.223	2.984.013.953.621	2.005.716.440.602
Vay ngân hàng NIB	586.742.857.004	338.439.256.942	248.303.600.062
Vay ngân hàng Natixis	733.418.444.350	733.418.444.350	-
Vay Ngân hàng ADB	2.408.015.304.096	650.602.463.556	1.757.412.840.540
Vay Bộ Tài chính	1.261.553.788.773	1.261.553.788.773	-

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	9.732.597.583	7.643.494.300	2.828.600,621	20.204.692.504
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	13.659.121.434	3.414.780.359	725.882.142	17.799.783.935
Nhận từ Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	2.762.360.832			2.762.360.832
Thưởng vượt tiến độ dự án Thủy điện Lai Châu	5.600.000.000			5.600.000.000
Chi quỹ trong năm	(9.585.215.909)	(4.992.072.000)	(28.000.000)	(14.605.287.909)
Cộng	22.168.863.940	6.066.202.659	3.526.482.763	31.761.549.362

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	Cộng
Số dư đầu năm trước	2.563.494.435.152	475.273.685.700	93.147.111.101	5.750.601.944	76.161.868.993	3.213.827.702.890
Giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	(645.762.900.000)					(645.762.900.000)
Phân phối lợi nhuận từ Công ty con – Công ty TNHH Một thành viên Hạ tầng Sông Đà		18.562.790.627	12.543.241.530			12.543.241.530
Lợi nhuận trong năm trước			112.107.423.287			112.107.423.287
Trích lập các quỹ			(36.169.748.771)			(17.606.958.144)
Điều chỉnh giám cổ tức hạch toán trùng			(4.359.680.000)			(4.359.680.000)
Nợ Ngân sách nhà nước			(25.020.988.295)			(25.020.988.295)
Số dư cuối năm trước	1.917.731.535.152	493.836.476.327	152.247.358.852	5.750.601.944	76.161.868.993	2.645.727.841.268
Số dư đầu năm nay	1.917.731.535.152	493.836.476.327	152.247.358.852	5.750.601.944	76.161.868.993	2.645.727.841.268
Giảm vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa	(48.518.570.182)					(48.518.570.182)
Lợi nhuận trong năm nay		41.497.300.950	112.716.820.509			112.716.820.509
Trích lập các quỹ			(59.297.084.885)			(17.799.783.935)
Thu vốn nhà nước từ Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn					779.953.488	779.953.488
Thu vốn nhà nước tại Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Khánh Hòa			(56.343.465.945)			35.303.740.705
Nợ Ngân sách nhà nước			149.323.628.531			(56.343.465.945)
Số dư cuối năm nay	1.869.212.964.970	535.333.777.277	149.323.628.531	5.750.601.944	112.245.563.186	2.671.866.535.908



Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 111.286,84 USD (số đầu năm là 32.083,24 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.322.245.116.522	6.196.622.329.923
Doanh thu bán điện	232.852.386.158	276.379.419.966
Doanh thu cho thuê văn phòng	45.632.529.347	28.108.084.741
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	80.242.531.454	236.500.283.330
Doanh thu hoạt động khác	268.719.944.548	474.974.018.693
Cộng	<u>2.949.692.508.029</u>	<u>7.212.584.136.653</u>

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là các khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	2.278.686.286.309	6.091.382.762.226
Giá vốn kinh doanh điện	232.852.386.158	276.379.419.966
Giá vốn cho thuê văn phòng	30.775.023.995	18.121.194.336
Giá vốn dịch vụ khác	21.155.423.797	38.154.987.028
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	268.719.944.548	474.974.018.693
Cộng	<u>2.832.189.064.807</u>	<u>6.899.012.382.249</u>

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	5.391.657.923	4.636.737.457
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.109.448.015	981.254.782
Lãi cho vay	224.954.599.971	265.501.915.453
Cổ tức, lợi nhuận được chia	206.240.327.462	250.433.494.851
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.396.239.388	9.642.543.327
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	87.051.003.423	28.217.743.562
Phí bảo lãnh		1.096.055.048
Cộng	<u>534.143.276.182</u>	<u>560.509.744.480</u>

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

5. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	281.505.135.640	333.890.469.648
Chi phí lãi trái phiếu	141.210.659.975	155.919.851.464
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.109.673.311	11.371.616.854
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	16.848.481.526	45.747.591.150
Phí lưu ký chứng khoán	2.982.846.405	1.297.839.239
Phí bảo lãnh		1.096.055.048
Dự phòng/ Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(33.541.852.806)	(16.405.271.703)
Lỗi thanh lý các khoản đầu tư		36.583.083.014
Chi phí tài chính khác	270.000.000	40.500.000
Cộng	416.384.944.051	569.541.734.714

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	58.898.243.831	79.223.345.991
Chi phí vật liệu quản lý	2.668.363.464	3.876.903.193
Chi phí đồ dùng văn phòng	540.840.057	1.371.975.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.501.972.269	8.171.883.780
Thuế, phí và lệ phí	7.549.265.600	10.884.421.247
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	29.352.936.201	1.989.500
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.003.733.513	17.506.949.292
Chi phí bằng tiền khác	11.495.224.204	16.312.876.832
Cộng	133.010.579.139	137.350.345.059
Chi phí quản lý các năm trước chưa phân bổ	6.167.248.634	10.624.741.137
Trích trước chi phí	(5.091.343.903)	6.861.399.842
Chi phí sửa chữa các công trình phụ trợ của dự án Thủy điện đồng Nai 5	321.977.168	5.825.700.292
Kết chuyển kinh doanh năm nay	(124.606.363.170)	(154.494.937.696)
Chi phí chờ kết chuyển sang năm sau	9.802.097.868	6.167.248.634

7. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	140.000.000	84.300.293
Phí y tế và bảo vệ công trình	1.374.422.291	3.235.104.219
Phí chuyển tiền chi hộ các đơn vị	87.315.727	275.838.321
Tiền thu tưới nước chống bụi	1.161.674.914	196.936.288
Thu gom xử lý rác thải		651.450.242
Thù lao người đại diện phần vốn tại các đơn vị	275.636.750	
Thu nhập từ hỗ trợ hợp đồng liên doanh Jurong	2.244.000.000	
Thu nhập khác	11.828.054	313.700.279
Cộng	5.294.877.736	4.757.329.642

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí y tế và bảo vệ công trình	1.374.422.291	3.235.104.219
Phí chuyển tiền	87.315.727	275.838.321
Tiền thu tưới nước chống bụi	1.161.674.914	196.936.288
Thu gom xử lý rác thải		651.450.242
Chi phí hoạt động của văn phòng đại diện tại Lào	297.077.848	
Chi phí khác	312.978.630	236.833.874
Cộng	<u>3.233.469.410</u>	<u>4.732.007.291</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tổng công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giảm vốn Nhà nước Dự Án Xi măng Hạ Long		645.762.900.000
Tăng khoản đầu tư từ cổ phiếu thưởng		6.705.100.000
Hoàn trả khoản đầu tư từ vốn nhận ủy thác	6.676.000.000	3.528.500.000
Thu vốn nhà nước tại Công ty TNHH MTV Phát triển Nhà Khánh Hòa	48.518.570.182	
Nhận lại vốn góp bằng cổ phiếu	32.128.882.364	
Rút vốn chưa thu tiền	3.000.000.000	

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2015 của Tổng công ty đã không phản ánh các khoản vay của các tổ chức tín dụng, Bộ Tài chính mà Tổng công ty đã đứng ra vay để cho Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long vay lại. Trong năm 2016, Tổng công ty hạch toán lại các khoản vay này theo tinh thần công văn số 4242/BTC-CĐKT ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc hạch toán các khoản vay tại dự án Xi măng Hạ Long.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các khoản vay này đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính như sau:

	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán				
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	1.535.334.303.998	1.402.535.494.352	2.937.869.798.350
Phải thu về cho vay dài hạn	215	173.986.198.628	2.057.695.603.996	2.231.681.802.624
Tổng cộng tài sản	270	12.836.358.752.902	3.460.231.098.348	16.296.589.851.250
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	1.180.706.138.967	1.402.535.494.352	2.583.241.633.319
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	3.226.720.795.650	2.057.695.603.996	5.284.416.399.646
Tổng cộng nguồn vốn	440	12.836.358.752.902	3.460.231.098.348	16.296.589.851.250

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính


Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC


Nguyễn Tuyết Trinh





Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**Phụ lục 1**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.421.515.275.793	5.703.647.266.331
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	442.051.275.642	578.245.033.271
1. Tiền	111		442.051.275.642	515.747.089.924
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	62.497.943.347
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		26.583.434.364	6.332.978.101
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	26.583.434.364	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2b	-	6.332.978.101
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		4.856.447.897.195	4.998.576.121.884
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	2.607.747.442.236	2.436.310.004.649
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	174.380.664.416	423.040.038.868
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	1.828.545.761.748	1.535.434.303.998
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	296.912.496.914	635.860.826.287
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(51.138.468.119)	(32.069.051.918)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.865.340.510	40.704.297.498
1. Hàng tồn kho	141	V.8	3.865.340.510	40.704.297.498
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		92.567.328.082	79.788.835.577
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	50.818.835.391	51.587.322.936
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		39.512.856.371	28.190.495.276
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	2.235.636.320	11.017.365
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.322.782.242.116	6.889.218.657.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		772.545.760.610	917.617.316.152
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	600.316.186.594	743.631.117.524
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	172.229.574.016	173.986.198.628
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		987.266.445.143	1.012.658.922.585
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	987.034.817.252	1.012.276.748.466
<i>Nguyên giá</i>	222		1.150.200.285.571	1.150.228.240.526
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(163.165.468.319)	(137.951.492.060)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	231.627.891	382.174.119
<i>Nguyên giá</i>	228		1.524.684.123	1.524.684.123
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.293.056.232)	(1.142.510.004)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		48.849.426.755	48.849.426.755
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	48.849.426.755	48.849.426.755
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2c	4.450.813.423.919	4.847.595.883.977
1. Đầu tư vào công ty con	251		2.371.626.856.388	2.741.069.169.252
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.717.144.865.100	1.927.186.865.100
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		427.577.600.000	283.697.600.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(65.535.897.569)	(104.357.750.375)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		63.307.185.689	62.497.108.501
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	63.307.185.689	62.497.108.501
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		11.744.297.517.909	12.592.865.924.301

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**Phụ lục 1**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		9.072.430.982.001	9.947.138.083.033
I. Nợ ngắn hạn	310		4.762.397.067.528	5.499.569.738.143
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	3.207.348.099.657	3.324.920.677.553
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	132.044.621.648	468.799.261.693
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	763.225.475	2.658.827.591
4. Phải trả người lao động	314		10.515.409.056	16.043.685.774
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	259.511.382.774	292.027.687.724
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17a	4.703.336.381	2.693.422.496
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	315.070.113.102	191.515.343.841
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	800.679.330.073	1.180.706.138.967
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	31.761.549.362	20.204.692.504
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		4.310.033.914.473	4.447.568.344.890
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	935.025.681.400	986.154.282.859
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17b	152.960.823.100	153.283.858.819
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	76.057.573.297	81.409.407.562
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	3.145.989.836.676	3.226.720.795.650
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Phụ lục 1

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.671.866.535.908	2.645.727.841.268
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	2.671.866.535.908	2.645.727.841.268
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.869.212.964.970	1.917.731.535.152
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		535.333.777.277	493.836.476.327
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		112.245.563.186	76.161.868.993
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		149.323.628.531	152.247.358.852
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.606.808.022	152.247.358.852
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		112.716.820.509	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		5.750.601.944	5.750.601.944
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		11.744.297.517.909	12.592.865.924.301

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trinh





KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

Phụ lục 1

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2016


Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	2.949.692.508.029	7.212.584.136.653
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	37.962.725.538
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.949.692.508.029	7.174.621.411.115
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.832.189.064.807	6.899.012.382.249
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		117.503.443.222	275.609.028.866
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	395.190.707.525	428.021.585.251
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	277.432.375.394	437.053.575.485
Trong đó: chi phí lãi vay	23		283.763.226.958	357.322.161.883
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	124.606.363.170	154.494.937.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		110.655.412.183	112.082.100.936
11. Thu nhập khác	31	VI.6	5.294.877.736	4.757.329.642
12. Chi phí khác	32	VI.7	3.233.469.410	4.732.007.291
13. Lợi nhuận khác	40		2.061.408.326	25.322.351
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		112.716.820.509	112.107.423.287
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>112.716.820.509</u>	<u>112.107.423.287</u>

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


 Nguyễn Tuyết Trinh




Trần Văn Tuấn

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**Phụ lục 1**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**(Theo phương pháp gián tiếp)****Năm 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Đơn vị tính: VND	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	112.716.820.509	112.107.423.287
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	26.048.827.442	26.316.418.684
- Các khoản dự phòng	03	(4.188.916.605)	(16.405.271.703)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	16.848.481.526	45.722.566.874
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(355.839.421.442)	(508.635.625.927)
- Chi phí lãi vay	06	283.763.226.958	489.810.321.112
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	79.349.018.388	148.915.832.327
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	584.517.794.715	60.327.882.038
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	36.838.956.988	(31.102.320.093)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(480.649.827.095)	406.526.731.214
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.589.643)	(4.980.588.111)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(272.522.504.565)	(531.177.341.427)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	44.446.055.025	2.612.272.627
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(14.605.287.909)	(19.681.558.050)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(22.667.384.096)	31.440.910.525
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(656.350.000)	(192.609.091)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	(19.295.330.032)	340.936.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(447.262.827.362)	(358.579.656.750)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	119.415.293.319	348.302.228.021
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	425.329.247.236	194.869.940.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	295.351.806.791	377.296.148.311
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	372.881.839.952	562.036.986.855

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ**Phụ lục 1**

Địa chỉ: Tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình 1, huyện Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

THÔNG TIN TÀI CHÍNH SỬ DỤNG KHI TÍNH TOÁN CÁC CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.660.721.164.482	4.402.647.623.045	
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.147.154.057.508)	(5.179.718.402.582)	
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>(486.432.893.026)</i>	<i>(777.070.779.537)</i>	
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>	<i>(136.218.437.170)</i>	<i>(183.592.882.157)</i>	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	578.245.033.271	761.803.239.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		24.679.541	34.675.649
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	442.051.275.642	578.245.033.271

Lập, ngày 31 tháng 3 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Tuyết Trinh



Trần Văn Tuấn